

QUỐC HỘI
Số: Không số

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 1981

LUẬT
Nghĩa vụ quân sự

Để phát huy truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân Việt Nam;

Để thực hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân, tạo điều kiện cho công dân Việt Nam làm tròn nghĩa vụ quân sự;

Để xây dựng Quân đội nhân dân chính quy và hiện đại, tăng cường quốc phòng, bảo đảm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ vào Điều 52, Điều 77 và Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật này quy định về chế độ nghĩa vụ quân sự của công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân.

Công dân có bổn phận làm nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng quốc phòng toàn dân.

Điều 2

Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Làm nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của quân đội.

Công dân phục vụ tại ngũ gọi là quân nhân tại ngũ.

Công dân phục vụ trong ngạch dự bị gọi là quân nhân dự bị.

Điều 3

Công dân nam giới, không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp, nơi cư trú, có nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 4

Phụ nữ có chuyên môn cần cho quân đội, trong thời bình, phải đăng ký nghĩa vụ quân sự và được gọi huấn luyện; nếu tự nguyện thì có thể được phục vụ tại ngũ.

Trong thời chiến theo quyết định của Hội đồng bộ trưởng, phụ nữ được gọi nhập ngũ và đảm nhiệm công tác thích hợp.

Điều 5

Những người sau đây không được làm nghĩa vụ quân sự:

1- Người đang trong thời kỳ bị pháp luật hoặc Tòa án nhân dân tước quyền phục vụ trong các lực lượng vũ trang nhân dân;

2- Người đang bị giam giữ.

Điều 6

Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị gồm có sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan và binh sĩ.

Chế độ phục vụ của sĩ quan do Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định.

Điều 7

Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị được phong cấp bậc quân hàm tương ứng với chức vụ.

Hệ thống cấp bậc quân hàm của Quân đội nhân dân Việt Nam do Hội đồng Nhà nước quy định.

Việc phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm của sĩ quan do Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam quy định.

Việc phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm của quân nhân chuyên nghiệp do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Việc phong, thăng, giáng và tước cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Điều 8

Quân nhân tại ngũ và quân nhân dự bị phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, nhân dân và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 9

Quân nhân tại ngũ, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, có quyền và nghĩa vụ của công dân quy định trong Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 10

Các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng công đoàn Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội liên hiệp nông dân tập thể Việt Nam, các tổ chức xã hội khác, nhà trường và gia đình, trong phạm vi chức năng của mình, có nhiệm vụ động viên, giáo dục, tổ chức và tạo điều kiện cho công dân làm tròn nghĩa vụ quân sự.

Điều 11

Địa phương, đoàn thể, cơ quan, đơn vị, gia đình hoặc cá nhân có nhiều thành tích trong việc thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự quy định trong Luật này thì được Nhà nước khen thưởng.

Chương II

VIỆC PHỤC VỤ TẠI NGŨ CỦA HẠ SĨ QUAN VÀ BINH SĨ

Điều 12

Công dân nam giới đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; lứa tuổi gọi nhập ngũ từ đủ 18 tuổi đến hết 27 tuổi.

Điều 13

Công dân nam giới đến 17 tuổi, có nguyện vọng phục vụ lâu dài trong quân đội, có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ quốc phòng, thì có thể được nhận vào học ở trường quân sự và được công nhận là quân nhân dân tại ngũ.

Điều 14

Thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ quy định như sau:

- 1- Ba năm, đối với hạ sĩ quan và binh sĩ;
- 2- Bốn năm, đối với hạ sĩ quan, binh sĩ chuyên môn, kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan và binh sĩ trên tàu hải quân;
- 3- Hai năm, đối với hạ sĩ quan và binh sĩ đã tốt nghiệp cao đẳng hoặc đại học;
- 4- Hai năm, đối với hạ sĩ quan và binh sĩ thuộc một số dân tộc do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 15

Khi cần thiết, Bộ trưởng Bộ quốc phòng được quyền giữ hạ sĩ quan và binh sĩ phục vụ tại ngũ thêm một thời gian không quá sáu tháng so với thời hạn quy định ở Điều 14 của Luật này.

Điều 16

Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Thời gian chịu kỷ luật ở đơn vị của quân đội và thời gian đào ngũ không được tính vào thời hạn tại ngũ.

Chương III

VIỆC CHUẨN BỊ CHO THANH NIÊN PHỤC VỤ TẠI NGŨ

Điều 17

Thanh niên nam giới, trước khi đến tuổi nhập ngũ và trước khi nhập ngũ, phải được huấn luyện theo chương trình quân sự phổ thông, bao gồm giáo dục chính trị, huấn luyện quân sự, rèn luyện ý thức tổ chức và kỷ luật, và rèn luyện về thể lực.

Việc huấn luyện quân sự phổ thông cho học sinh ở trường phổ thông trung học, trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng và trường đại học thuộc chương trình chính khoá.

Đối với thanh niên không học ở các trường thì được huấn luyện quân sự phổ thông ở các lớp huấn luyện tổ chức tại xã, phường, thị trấn, cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, hiệu trưởng các trường, thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác có trách nhiệm tổ chức huấn luyện quân sự phổ thông cho thanh niên thuộc cơ sở mình.

Nội dung huấn luyện quân sự phổ thông do Bộ trưởng Bộ quốc phòng quy định.

Điều 18

Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban chỉ đạo giáo dục quốc phòng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương có trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có trách nhiệm đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn, kỹ thuật cho quân đội, theo kế hoạch của Bộ quốc phòng đã được Hội đồng bộ trưởng phê chuẩn.

Điều 19

Khu vực chuẩn bị cho thanh niên phục vụ tại ngũ và gọi công dân là huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Tháng 1 hàng năm, hiệu trưởng các trường dạy nghề, trường trung học chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học, thủ trưởng các cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác phải báo cáo danh sách công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó cho Ban chỉ huy quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình đóng.

Điều 20

Tháng 4 hàng năm, theo lệnh gọi của chỉ huy trưởng quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, công dân nam giới đủ 17 tuổi trong năm đó phải đến cơ quan quân sự để đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Việc kiểm tra sức khỏe cho những người đăng ký nghĩa vụ quân sự do cơ quan y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phụ trách.

Người đã đăng ký nghĩa vụ quân sự được gọi là người sẵn sàng nhập ngũ.

Chương IV

VIỆC NHẬP NGŨ VÀ XUẤT NGŨ

Mục 1

VIỆC GỌI NHẬP NGŨ

Điều 21

Hàng năm, việc gọi công dân nhập ngũ được tiến hành từ một đến hai lần, vào tháng 2 - tháng 3 và tháng 8 - tháng 9.

Số lượng công dân nhập ngũ trong năm do Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Việc gọi công dân nhập ngũ được tiến hành theo lệnh của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện việc gọi công dân nhập ngũ trong địa phương mình.

Theo quyết định của Ủy ban nhân dân, chỉ huy trưởng quân sự huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gọi từng công dân nhập ngũ. Lệnh gọi nhập ngũ phải được đưa trước 15 ngày.

Đối với địa phương gặp thiên tai nặng, thì Bộ trưởng Bộ quốc phòng được quyền điều chỉnh thời gian gọi công dân nhập ngũ cho địa phương đó.

Điều 22

Người được gọi nhập ngũ phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ; nếu không thể đến đúng thời hạn thì phải có giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân.

Người không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ đã bị xử lý theo điểm 1, Điều 69 của Luật này vẫn nằm trong diện được gọi nhập ngũ cho đến khi hết 35 tuổi.

Điều 23

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thủ trưởng cơ quan, xí nghiệp và các đơn vị cơ sở khác có trách nhiệm:

- 1- Tổ chức tiến đưa và tạo điều kiện cho người được gọi nhập ngũ của cơ sở mình có mặt đúng thời gian và địa điểm quy định;
- 2- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, chính sách đối với gia đình quân nhân.

Mục 2

HỘI ĐỒNG NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Điều 24

Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng nghĩa vụ quân sự ở cấp mình để giúp Ủy ban thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp gồm có Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch là chỉ huy trưởng quân sự, các ủy viên là người phụ trách chính các ngành kế hoạch, lao động, công an, y tế, văn hoá, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ, và Hội liên hiệp nông dân tập thể.

Hội đồng nghĩa vụ quân sự ở các cấp làm việc theo nguyên tắc tập thể; Nghị quyết của Hội đồng phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

Điều 25

Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ giúp Ủy ban nhân dân:

- 1- Tổ chức việc tuyên truyền, giáo dục nhân dân nghiêm chỉnh thi hành nghĩa vụ quân sự;
- 2- Đôn đốc công dân đăng ký nghĩa vụ quân sự;
- 3- Đề nghị danh sách công dân được gọi nhập ngũ, hoãn gọi nhập ngũ, và miễn làm nhiệm vụ quân sự;
- 4- Đôn đốc công dân thực hiện lệnh gọi nhập ngũ;
- 5- Đôn đốc các cơ quan và tổ chức hữu quan chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở địa phương.